

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP, ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 973/QĐ-BNNMT ngày 18 tháng 4 năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 102/TTr-SNNMT ngày 25 tháng 4 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính (TTHC) lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đắk Nông.

Điều 2.

- Giao Văn phòng UBND tỉnh chủ trì, phối hợp với Viễn thông Đắk Nông công khai, đồng bộ Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC về Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh; đồng thời, niêm yết, công khai nội dung TTHC tại Trung tâm Phục vụ hành chính công theo quy định.

- Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan theo dõi, cập nhật thành phần hồ sơ, trình tự, quy trình thực hiện đối với



TTHC kèm theo Quyết định này vào Cơ sở dữ liệu Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh.

- Giao UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa niêm yết, công khai nội dung TTHC tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 532/QĐ-UBND ngày 14/3/2022 của UBND tỉnh về việc công bố Danh mục TTHC mới ban hành, thay thế, bị bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Khoa học và Công nghệ; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. 

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục Kiểm soát TTHC - VPCP;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Viễn Thông Đắk Nông;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, TTPVHCC, TH(Tn).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**





Tôn Thị Ngọc Hạnh



DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CHUẨN HOÁ LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Quyết định số **623**/QĐ-UBND ngày **09** tháng 5 năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Stt	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế
I. Danh mục thủ tục hành chính cấp tỉnh			
1	1.010733	Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường	- Nghị định số 05/2025/NĐ-CP; - Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT.
2	1.010735	Thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản (báo cáo riêng theo quy định tại khoản 2 Điều 36 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)	- Nghị định số 05/2025/NĐ-CP; - Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT.
3	1.010727	Cấp giấy phép môi trường	- Nghị định số 05/2025/NĐ-CP; - Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT
4	1.010728	Cấp đổi giấy phép môi trường	- Nghị định số 05/2025/NĐ-CP; - Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT
5	1.010729	Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường	- Nghị định số 05/2025/NĐ-CP; - Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT
6	1.010730	Cấp lại giấy phép môi trường	- Nghị định số 05/2025/NĐ-CP; - Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT
II. Danh mục thủ tục hành chính cấp huyện			
1	1.010723	Cấp giấy phép môi trường	- Nghị định số 05/2025/NĐ-CP; - Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT
2	1.010724	Cấp đổi giấy phép môi trường	- Nghị định số 05/2025/NĐ-CP; - Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT

Stt	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế
3	1.010725	Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường	- Nghị định số 05/2025/NĐ-CP; - Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT
4	1.010726	Cấp lại giấy phép môi trường	- Nghị định số 05/2025/NĐ-CP; - Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT
III. Danh mục thủ tục hành chính xấp xã			
1	1.010736	Tham vấn trong đánh giá tác động môi trường	- Nghị định số 05/2025/NĐ-CP; - Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT

Tổng số: 11 TTHC.

B. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

TT	Mã/Tên TTHC	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí
I	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH			
1	1.010733 Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường	1. Hồ sơ đề nghị thẩm định: - 01 bản chính văn bản đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (<i>mẫu số 02 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT</i>); - 01 bản chính báo cáo đánh giá tác động môi trường (<i>mẫu số 04 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT</i>); - 01 báo cáo dự án đầu tư (hoặc báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật hoặc tài liệu tương đương). 2. Hồ sơ nộp lại sau khi họp hội đồng: - 01 bản chính văn bản đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (<i>mẫu số 09a Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư 07/2025/TT-BTNMT</i>).	1. Trình tự thực hiện: Bước 1. Tiếp nhận hồ sơ Chủ dự án nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm phục vụ Hành chính công (TTPVHCC) theo địa chỉ: Số 98 đường 23/3, phường Nghĩa Đức, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông. Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc, kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ TTPVHCC chuyển hồ sơ đến Sở Nông nghiệp và Môi trường thông qua Phòng Bảo vệ môi trường để giải quyết theo quy định. Bước 2. Kiểm tra hồ sơ Phòng Bảo vệ môi trường xem xét, kiểm tra hồ sơ; trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ, chưa bảo đảm đúng đối tượng đánh giá tác động môi trường hoặc chưa đúng thẩm quyền thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường thì Phòng Bảo vệ môi trường tham mưu Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường từ chối tiếp nhận hồ sơ và có văn bản thông báo cho chủ dự án. Bước 3. Thẩm định hồ sơ <i>* Thẩm định hồ sơ sau khi nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, đúng thẩm quyền</i> - Thẩm định hồ sơ báo cáo đánh giá tác động môi trường thông qua Hội đồng thẩm định. - Trong quá trình thẩm định (trong trường hợp cần thiết), Sở Nông nghiệp và Môi trường tiến hành các hoạt động: kiểm tra, khảo sát thực tế khu vực thực hiện dự án; lấy ý kiến tổ chức, chuyên gia. - Sau khi báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được thẩm định, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về	Thu theo quy định của Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông

TT	Mã/Tên TTHC	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí
		- 01 bản chính báo cáo đánh giá tác động môi trường được đóng quyển, chủ dự án ký vào phía dưới của từng trang kể cả phụ lục kèm theo tệp văn bản điện tử định dạng đuôi “.doc” chứa nội dung của báo cáo và tệp văn bản điện tử định dạng đuôi “.pdf” chứa nội dung đã quét (scan) của toàn bộ báo cáo, bao gồm cả phụ lục (nếu nộp trực tiếp) hoặc tệp văn bản điện tử của toàn bộ báo cáo, bao gồm cả phụ lục được chủ dự án ký số (nếu nộp trực tuyến). 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.	kết quả thẩm định tới tổ chức/cá nhân với kết quả là 01 trong các trường hợp sau đây: (1) thông qua với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung; (2) không thông qua. <i>* Thẩm định hồ sơ sau khi họp hội đồng</i> - Trường hợp thông qua không cần chỉnh sửa, bổ sung, chủ tịch hội đồng báo cáo và trình UBND tỉnh hồ sơ đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường. - Sau khi báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được thẩm định với kết quả thông qua với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung, tổ chức/cá nhân (trong thời hạn không quá 12 tháng kể từ ngày nhận được thông báo kết quả thẩm định) phải hoàn thiện và gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường hồ sơ đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường. Sau khi nhận được hồ sơ đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường do tổ chức/cá nhân gửi đến, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm tiếp tục thẩm định hồ sơ đề nghị phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường. Bước 4. Phê duyệt - Sở Nông nghiệp và Môi trường trình UBND tỉnh hồ sơ đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường do chủ dự án gửi đến. UBND tỉnh ban hành quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc có văn bản không phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM (trong đó nêu rõ lý do kèm các nội dung yêu cầu bổ sung, làm rõ) trong trường hợp hồ sơ dự án chưa chỉnh sửa, hoàn thiện bảo đảm đủ điều kiện để phê duyệt. Bước 5. Trả kết quả - UBND tỉnh chuyển quyết định phê duyệt kết quả thẩm định và báo cáo đánh giá tác động môi trường cho TTPVHCC để trả kết quả trực tiếp	

TT	Mã/Tên TTHC	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí
			hoặc qua dịch vụ bưu chính cho chủ dự án; gửi quyết định phê duyệt kết quả thẩm định đến Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND cấp huyện, UBND cấp xã nơi thực hiện dự án đầu tư và Ban quản lý khu công nghiệp đối với dự án đầu tư thực hiện trong khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung. 2. Thời gian giải quyết: Tổng thời gian giải quyết thủ tục hành chính: tối đa 50 ngày làm việc. Trong đó: - Thời hạn kiểm tra, trả lời về tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ: không quy định. - Thời hạn thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường: Tối đa là 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ đối với trường hợp thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của các dự án đầu tư nhóm II quy định tại các điểm c, d, đ và e khoản 4 Điều 28 của Luật Bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền thẩm định của UBND tỉnh (quy định tại khoản 3 Điều 35 của Luật Bảo vệ môi trường). + TTPVHCC: 0,5 ngày; + Sở Nông nghiệp và Môi trường: 29,5 ngày. - Thời điểm thông báo kết quả: trong thời hạn thẩm định. - Thời hạn phê duyệt kết quả thẩm định: tối đa 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. + TTPVHCC: 0,5 ngày; + Sở Nông nghiệp và Môi trường: 14,5 ngày; + UBND tỉnh: 05 ngày. Thời gian tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan cấp phép. Đối tượng thực hiện: Công dân Việt Nam, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, Người nước ngoài, Cán bộ, công chức, viên chức, Doanh nghiệp, Doanh	

TT	Mã/Tên TTHC	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí
			nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Hợp tác xã Cơ quan thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường Cơ quan có thẩm quyền: UBND tỉnh Kết quả thực hiện: Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (mẫu số 10 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT) hoặc văn bản không phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (trong đó nêu rõ lý do kèm các nội dung yêu cầu bổ sung, làm rõ). Căn cứ pháp lý - Luật BVMT 2020; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; - Nghị định số 05/2025/NĐ-CP; - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT; - Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT.	
2	1.010735 Thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản (báo cáo riêng theo quy định tại khoản 2	1. Hồ sơ đề nghị thẩm định: - 01 bản chính văn bản đề nghị thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường (mẫu số 12 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT); - 01 bản chính Phương án cải tạo, phục hồi môi trường (mẫu số 11 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT);	1. Trình tự thực hiện: Bước 1. Tiếp nhận hồ sơ Chủ dự án nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến TTPVHCC theo địa chỉ: Số 98 đường 23/3, phường Nghĩa Đức, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông. Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc, kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ TTPVHCC chuyển hồ sơ đến Sở Nông nghiệp và Môi trường thông qua Phòng Bảo vệ môi trường để giải quyết theo quy định. Bước 2. Kiểm tra hồ sơ	Thu theo quy định của Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông

TT	Mã/Tên TTHC	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí
	Điều 36 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)	- 01 bản sao Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc kế hoạch bảo vệ môi trường hoặc bản cam kết bảo vệ môi trường hoặc bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường hoặc đề án bảo vệ môi trường đơn giản hoặc đề án bảo vệ môi trường chi tiết đã được phê duyệt hoặc xác nhận. 2. Hồ sơ nộp lại sau khi họp hội đồng: - 01 bản chính Văn bản giải trình ý kiến thẩm định, trừ trường hợp không phải chỉnh sửa, bổ sung; - 01 bản chính Phương án cải tạo, phục hồi môi trường đã được chỉnh sửa, hoàn thiện theo ý kiến thẩm định.	Phòng Bảo vệ môi trường xem xét, kiểm tra hồ sơ; trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì Phòng Bảo vệ môi trường tham mưu Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường từ chối tiếp nhận hồ sơ và có văn bản thông báo cho chủ dự án. Bước 3. Thẩm định hồ sơ <i>* Thẩm định hồ sơ sau khi nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ</i> - Thẩm định hồ sơ phương án cải tạo, phục hồi môi trường thông qua Hội đồng thẩm định. Trong quá trình thẩm định (trong trường hợp cần thiết), Sở Nông nghiệp và Môi trường tiến hành các hoạt động: kiểm tra, khảo sát thực tế khu vực thực hiện dự án; lấy ý kiến tổ chức, chuyên gia. Sau khi hồ sơ phương án cải tạo, phục hồi môi trường đã được thẩm định, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về kết quả thẩm định tới tổ chức/cá nhân với kết quả là 01 trong các trường hợp sau đây: (1) thông qua không cần chỉnh sửa, bổ sung; (2) thông qua với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung; (3) không thông qua. <i>* Phê duyệt kết quả thẩm định hồ sơ sau khi họp hội đồng</i> Sau khi hồ sơ phương án cải tạo, phục hồi môi trường đã được thẩm định với kết quả thông qua không cần chỉnh sửa, bổ sung hoặc thông qua với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung, tổ chức/cá nhân (trong thời hạn không quá 12 tháng kể từ ngày nhận được thông báo kết quả thẩm định) phải hoàn thiện và gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường hồ sơ đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường. Sau khi nhận được hồ sơ đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường do tổ chức/cá nhân gửi đến, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm tiếp tục thẩm định hồ sơ đề nghị phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường. Bước 4. Phê duyệt	

TT	Mã/Tên TTHC	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí
			Sở Nông nghiệp và Môi trường trình UBND tỉnh hồ sơ đề nghị phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường do chủ dự án gửi đến. UBND tỉnh ban hành quyết định phê duyệt kết quả thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc có văn bản không phê duyệt kết quả thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường (trong đó nêu rõ lý do kèm các nội dung yêu cầu bổ sung, làm rõ) trong trường hợp hồ sơ dự án chưa chỉnh sửa, hoàn thiện bảo đảm đủ điều kiện để phê duyệt. Bước 5. Trả kết quả - UBND tỉnh chuyển quyết định phê duyệt kết quả thẩm định và phương án cải tạo, phục hồi môi trường cho TTPVHCC để trả kết quả trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính cho chủ dự án; gửi quyết định phê duyệt kết quả thẩm định đến Sở Nông nghiệp và Môi trường; UBND cấp huyện nơi thực hiện dự án và Quỹ bảo vệ môi trường nơi tiếp nhận tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường. 2. Thời gian giải quyết: Tối đa 45 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ. - <i>Thời hạn kiểm tra, trả lời về tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ:</i> không quy định. * <i>Thời hạn thẩm định:</i> Tối đa 30 ngày làm việc, kể từ thời điểm nhận đủ hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: - TTPVHCC: 0,5 ngày; - Sở Nông nghiệp và Môi trường: 29,5 ngày. * <i>Thời hạn phê duyệt kết quả thẩm định:</i> Tối đa 15 ngày làm việc, kể từ thời điểm nhận đủ hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: - TTPVHCC: 0,5 ngày; - Sở Nông nghiệp và Môi trường: 10,5 ngày. - UBND tỉnh: 04 ngày;	

TT	Mã/Tên TTHC	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí
			Thời gian tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan cấp phép. Đối tượng thực hiện: Công dân Việt Nam, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, Người nước ngoài, Cán bộ, công chức, viên chức, Doanh nghiệp, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Hợp tác xã Cơ quan thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường Cơ quan có thẩm quyền: UBND tỉnh. Kết quả thực hiện: - Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường và báo cáo phương án cải tạo phục hồi môi trường (mẫu số 18 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT). Căn cứ pháp lý - Luật BVMT 2020; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; - Nghị định số 05/2025/NĐ-CP; - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT; - Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT.	
3	1.010727 Cấp giấy phép môi trường	- 01 bản chính văn bản đề nghị cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở (mẫu quy định tại Phụ lục XIII Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Phụ lục XIII Phần Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 05/2025/NĐ-CP);	1. Trình tự thực hiện: Bước 1. Tiếp nhận hồ sơ - Chủ dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến toàn trình của tỉnh Đắk Nông (https://dichvucong.daknong.gov.vn), trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến TTPVHCC	Thu theo quy định của Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông

TT	Mã/Tên TTHC	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí
		- 01 bản chính Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở; + Trường hợp dự án đầu tư đã có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường trước khi đi vào vận hành thử nghiệm: <i>mẫu quy định tại mẫu quy định tại Phụ lục VIII Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Phụ lục VIII Phần Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 05/2025/NĐ-CP;</i> + Trường hợp dự án đầu tư nhóm II không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường và dự án đầu tư nhóm III: <i>mẫu quy định tại Phụ lục IX Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Phụ lục IX Phần Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 05/2025/NĐ-CP;</i> + Trường hợp cơ sở đang hoạt động: <i>mẫu quy định tại Phụ lục X Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Phụ lục X Phần Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 05/2025/NĐ-CP;</i> - Đối với dự án đầu tư, dự án đầu tư mở rộng của cơ sở đang hoạt động	- Ngoài trường hợp trên, Chủ dự án lập và nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến TTPVHCC. Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc, kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ TTPVHCC chuyển hồ sơ đến Sở Nông nghiệp và Môi trường thông qua Phòng Bảo vệ môi trường để giải quyết theo quy định. Bước 2. Kiểm tra hồ sơ Phòng Bảo vệ môi trường xem xét, kiểm tra hồ sơ; trường hợp hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ, Phòng Bảo vệ môi trường tham mưu Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường có văn bản thông báo cho chủ dự án. Bước 3. Thẩm định hồ sơ, kiểm tra Sở Nông nghiệp và Môi trường thành lập hội đồng thẩm định hoặc đoàn kiểm tra theo một trong các trường hợp sau: + <i>Đối với dự án đầu tư đã có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường và không có thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc có thay đổi nhưng không thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 4 Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và chưa đến mức phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường:</i> thành lập hội đồng thẩm định cấp giấy phép môi trường, không tổ chức kiểm tra thực tế; + <i>Đối với dự án đầu tư không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường:</i> thành lập hội đồng thẩm định. Trong trường hợp cần thiết, hội đồng thẩm định tổ chức khảo sát thực tế tại khu vực dự kiến triển khai dự án đầu tư. Tùy theo quy mô, tính chất, mức độ của dự án việc tổ chức khảo sát thực tế do chủ tịch hội đồng thẩm định quyết định cử đại diện thành phần hội đồng thực hiện; + <i>Đối với cơ sở, dự án đầu tư đã có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường nhưng có thay đổi so với</i>	

TT	Mã/Tên TTHC	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí
		không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường: 01 bản sao Báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc tài liệu tương đương với báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án đầu tư, dự án đầu tư mở rộng theo quy định của pháp luật về đầu tư, đầu tư công, đầu tư theo phương thức đối tác công tư, xây dựng	<i>quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và chưa đến mức phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường:</i> thành lập đoàn kiểm tra. - Hội đồng thẩm định, đoàn kiểm tra nghiên cứu hồ sơ và khảo sát hoặc kiểm tra thực tế (nếu có) đối với dự án đầu tư, cơ sở, viết bản nhận xét, đánh giá về các nội dung quy định tại Điều 40 Luật Bảo vệ môi trường và chịu trách nhiệm trước pháp luật về ý kiến nhận xét, đánh giá của mình. - Trường hợp hồ sơ phải chỉnh sửa, bổ sung để bảo đảm đủ căn cứ cho việc cấp phép, Phòng Bảo vệ môi trường tham mưu Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường có văn bản thông báo cho chủ dự án và nêu rõ các nội dung phải chỉnh sửa, bổ sung. Không yêu cầu chủ dự án, cơ sở thực hiện các công việc khác ngoài các nội dung trong văn bản thông báo yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ. Thời gian trả kết quả hoặc thông báo chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ phải bảo đảm trong thời hạn cấp phép theo quy định. Bước 4. Cấp phép Căn cứ kết quả thẩm định của hội đồng thẩm định hoặc kết quả kiểm tra của đoàn kiểm tra, Sở Nông nghiệp và Môi trường trình UBND tỉnh hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường do chủ dự án gửi đến. UBND tỉnh xem xét, cấp giấy phép môi trường hoặc có văn bản thông báo không phê duyệt kết quả cấp giấy phép môi trường (trong đó nêu rõ lý do kèm các nội dung yêu cầu bổ sung, làm rõ) trong trường hợp hồ sơ chưa được chỉnh sửa, bổ sung đầy đủ theo ý kiến kết luận của hội đồng thẩm định/đoàn kiểm tra. Bước 5. Trả kết quả	

TT	Mã/Tên TTHC	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí
			UBND tỉnh chuyển giấy phép môi trường và hồ sơ kèm theo (nếu có) đến Hệ thống Dịch vụ công trực tuyến tỉnh Đắk Nông/TTPVHCC để trả kết quả trực tuyến, trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính cho chủ dự án; gửi giấy phép đến Sở Nông nghiệp và Môi trường. 2. Thời gian giải quyết: <i>* Đối với các trường hợp thực hiện thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến toàn trình: tối đa 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</i> - Thời hạn thẩm định hồ sơ: tối đa 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. + TTPVHCC: 0,5 ngày; + Sở Nông nghiệp và Môi trường: 14,5 ngày; - Thời hạn thẩm định hồ sơ, trả kết quả sau khi nhận được hồ sơ chỉnh sửa, bổ sung theo yêu cầu của kết quả thẩm định: tối đa là 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. + Sở Nông nghiệp và Môi trường: 02 ngày; + UBND tỉnh: 03 ngày. <i>* Đối với các trường hợp còn lại: Tối đa là 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ</i> - Thời hạn thẩm định hồ sơ: tối đa 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. + TTPVHCC: 0,5 ngày; + Sở Nông nghiệp và Môi trường: 14,5 ngày; - Thời hạn thẩm định hồ sơ, trả kết quả sau khi nhận được hồ sơ chỉnh sửa, bổ sung theo yêu cầu của kết quả thẩm định: tối đa là 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	

TT	Mã/Tên TTHC	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí
			+ Sở Nông nghiệp và Môi trường: 10 ngày; + UBND tỉnh: 05 ngày. Thời gian phân tích mẫu chất thải và hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan cấp phép. 3. Yêu cầu, điều kiện thực hiện: - Dự án đầu tư nhóm I, nhóm II và nhóm III có phát sinh nước thải, bụi, khí thải xả ra môi trường phải được xử lý hoặc phát sinh chất thải nguy hại phải được quản lý theo quy định về quản lý chất thải khi đi vào vận hành chính thức; - Dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp hoạt động trước ngày Luật Bảo vệ môi trường 2020 có hiệu lực thi hành có tiêu chí về môi trường như đối tượng nêu trên. Đối tượng thực hiện: Công dân Việt Nam, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, Người nước ngoài, Cán bộ, công chức, viên chức, Doanh nghiệp, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Hợp tác xã Cơ quan thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường Cơ quan có thẩm quyền: UBND tỉnh Kết quả thực hiện: Giấy phép môi trường (Mẫu quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, được sửa đổi bổ sung tại mẫu số 40 Phụ lục II phần phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT);, Văn bản thông báo trả hồ sơ cho chủ dự án, cơ sở và nêu rõ lý do trong trường hợp không đủ điều kiện cấp giấy phép môi trường Căn cứ pháp lý: - Luật BVMT 2020; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; - Nghị định số 05/2025/NĐ-CP;	

TT	Mã/Tên TTHC	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí
			- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT; - Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT.	
4	1.010728 Cấp đổi giấy phép môi trường	- 01 bản chính văn bản đề nghị cấp đổi giấy phép môi trường của chủ dự án đầu tư, cơ sở (mẫu quy định tại Phụ lục XIV ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP). - 01 bản sao hồ sơ pháp lý có liên quan đến việc thay đổi trong trường hợp có thay đổi tên dự án đầu tư, cơ sở hoặc chủ dự án đầu tư, cơ sở.	1. Trình tự thực hiện: Bước 1. Tiếp nhận hồ sơ Chủ dự án nộp hồ sơ đề nghị cấp đổi giấy phép môi trường thông qua Hệ thống dịch vụ công trực tuyến toàn trình của tỉnh Đắk Nông (https://dichvucong.daknong.gov.vn). Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc, kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ TTPVHCC chuyển hồ sơ đến Sở Nông nghiệp và Môi trường thông qua Phòng Bảo vệ môi trường để giải quyết theo quy định. Bước 2. Kiểm tra hồ sơ Phòng Bảo vệ môi trường xem xét, kiểm tra hồ sơ; trường hợp hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ, Phòng Bảo vệ môi trường tham mưu Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường có văn bản thông báo cho chủ dự án. Bước 3. Thẩm định hồ sơ - Phòng Bảo vệ môi trường nghiên cứu văn bản đề nghị cấp đổi kèm theo hồ sơ pháp lý có liên quan đến việc thay đổi của chủ dự án đầu tư, cơ sở. Tham mưu UBND tỉnh cấp đổi giấy phép môi trường cho chủ dự án đầu tư, cơ sở với thời hạn còn lại của giấy phép. - Trường hợp hồ sơ phải chỉnh sửa, bổ sung để bảo đảm đủ căn cứ cho việc cấp phép, Phòng Bảo vệ môi trường tham mưu Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường có văn bản thông báo cho chủ dự án và nêu rõ các nội dung phải chỉnh sửa, bổ sung. Không yêu cầu chủ dự án, cơ sở thực hiện các công việc khác ngoài các nội dung trong văn bản thông báo yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ. Sau khi nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Môi trường tham mưu UBND tỉnh cấp đổi giấy phép môi trường cho chủ dự án đầu	Không quy định

TT	Mã/Tên TTHC	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí
			tư, cơ sở với thời hạn còn lại của giấy phép. Bước 4. Cấp phép UBND tỉnh ban hành cấp đổi giấy phép môi trường cho chủ dự án đầu tư, cơ sở với thời hạn còn lại của giấy phép. Bước 5. Trả kết quả UBND tỉnh chuyển giấy phép môi trường cấp đổi và hồ sơ kèm theo (nếu có) đến Hệ thống Dịch vụ công trực tuyến tỉnh Đắk Nông/TTPVHCC để trả kết quả cho chủ dự án. 2. Thời gian giải quyết: - Thời hạn kiểm tra, trả lời về tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ: không quy định. - Thời hạn cấp đổi giấy phép môi trường: Tối đa 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. Trong đó: - Hệ thống DVC trực tuyến/TTPVHCC: 0,5 ngày; - Sở Nông nghiệp và Môi trường: 6,5 ngày; - UBND tỉnh: 03 ngày. Thời gian tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan cấp phép. 3. Yêu cầu, điều kiện thực hiện: Thay đổi tên dự án đầu tư, cơ sở hoặc chủ dự án đầu tư, cơ sở khác với giấy phép môi trường đã được cấp. Đối tượng thực hiện: Công dân Việt Nam, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, Người nước ngoài, Cán bộ, công chức, viên chức, Doanh nghiệp, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Hợp tác xã Cơ quan thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường	

TT	Mã/Tên TTHC	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí
			Cơ quan có thẩm quyền: UBND tỉnh Kết quả thực hiện: Giấy phép môi trường cấp đổi (Mẫu quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, được sửa đổi bổ sung tại mẫu số 40 Phụ lục II phần phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT). Căn cứ pháp lý: - Luật BVMT 2020; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; - Nghị định số 05/2025/NĐ-CP; - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT; - Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT.	
5	1.010729 Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường	- 01 bản chính văn bản đề nghị cấp điều chỉnh giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở (Mẫu tại Phụ lục XIII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 56 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP). - 01 bản chính Báo cáo đề xuất cấp điều chỉnh giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở (Mẫu quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 56 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP).	1. Trình tự thực hiện: Bước 1. Tiếp nhận hồ sơ: - Chủ dự án nộp hồ sơ đề nghị cấp điều chỉnh giấy phép môi trường thông qua Hệ thống dịch vụ công trực tuyến toàn trình của tỉnh Đắk Nông (https://dichvucong.daknong.gov.vn). Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc, kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ TTPVHCC chuyển hồ sơ đến Sở Nông nghiệp và Môi trường thông qua Phòng Bảo vệ môi trường để giải quyết theo quy định. Bước 2. Kiểm tra hồ sơ Phòng Bảo vệ môi trường xem xét, kiểm tra hồ sơ; trường hợp hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ, Phòng Bảo vệ môi trường tham mưu Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường có văn bản thông báo cho chủ dự án. Bước 3. Thẩm định hồ sơ	Thu theo quy định của Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông

TT	Mã/Tên TTHC	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí
			- Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Môi trường tham mưu UBND tỉnh cấp giấy phép môi trường điều chỉnh cho chủ dự án đầu tư, cơ sở; - Trường hợp hồ sơ phải chỉnh sửa, bổ sung để bảo đảm đủ căn cứ cho việc cấp phép, Phòng Bảo vệ môi trường tham mưu Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường có văn bản thông báo cho chủ dự án và nêu rõ các nội dung phải chỉnh sửa, bổ sung. Không yêu cầu chủ dự án, cơ sở thực hiện các công việc khác ngoài các nội dung trong văn bản thông báo yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ. Sau khi nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Môi trường tham mưu UBND tỉnh cấp điều chỉnh giấy phép môi trường cho chủ dự án đầu tư, cơ sở. Bước 4. Cấp phép UBND tỉnh ban hành cấp điều chỉnh giấy phép môi trường hoặc có văn bản thông báo không phê duyệt kết quả cấp điều chỉnh giấy phép môi trường (trong đó nêu rõ lý do kèm các nội dung yêu cầu bổ sung, làm rõ) trong trường hợp hồ sơ chưa được chỉnh sửa, bổ sung đầy đủ theo ý kiến kết luận. Bước 5. Trả kết quả UBND tỉnh chuyển giấy phép môi trường cấp điều chỉnh và hồ sơ kèm theo (nếu có) đến Hệ thống Dịch vụ công trực tuyến tỉnh Đắk Nông/TTPVHCC để trả kết quả cho chủ dự án. 2. Thời gian giải quyết: - Thời hạn kiểm tra, trả lời về tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ: không quy định. - Thời hạn kiểm tra, cấp điều chỉnh giấy phép môi trường: Tối đa 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trong đó:	

TT	Mã/Tên TTHC	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí
			- Hệ thống DVC trực tuyến/TTPVHCC: 0,5 ngày; - Sở Nông nghiệp và Môi trường: 19,5 ngày; - UBND tỉnh: 05 ngày. Thời gian tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan cấp phép. 3. Yêu cầu, điều kiện thực hiện: - Dự án đầu tư, cơ sở có thay đổi nội dung cấp phép nhưng không thuộc trường hợp quy định tại khoản 4 và khoản 5 Điều 30 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP, (trừ trường hợp thay đổi giảm nội dung cấp phép môi trường hoặc thay đổi khối lượng, loại chất thải nguy hại phát sinh; trường hợp thay đổi giảm nội dung cấp phép môi trường, việc điều chỉnh giấy phép môi trường được thực hiện khi có đề nghị của chủ dự án đầu tư, cơ sở), như sau: - Dự án đầu tư, cơ sở, cụm công nghiệp có thay đổi tăng quy mô, công suất sản xuất, thay đổi công nghệ sản xuất như đối với trường hợp quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP dẫn đến thay đổi nội dung cấp phép, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 5 Điều 30 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP; - Cụm công nghiệp đang hoạt động có bổ sung ngành, nghề thu hút đầu tư không thuộc danh mục loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 56 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP;	

TT	Mã/Tên TTHC	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí
			- Thay đổi khác như đối với trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 30 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP; - Dự án, cơ sở sau chia tách thực hiện thủ tục cấp điều chỉnh theo quy định trước khi giấy phép môi trường, giấy phép môi trường thành phần đã cấp hết hiệu lực theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 29 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 11 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP. Đối tượng thực hiện: Công dân Việt Nam, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, Người nước ngoài, Cán bộ, công chức, viên chức, Doanh nghiệp, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Hợp tác xã Cơ quan thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường Cơ quan có thẩm quyền: UBND tỉnh Kết quả thực hiện: Giấy phép môi trường điều chỉnh (mẫu số 41 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 2 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT), Văn bản thông báo trả hồ sơ gửi chủ dự án đầu tư, cơ sở trong trường hợp không đủ điều kiện cấp điều chỉnh giấy phép môi trường. Căn cứ pháp lý: - Luật BVMT 2020; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; - Nghị định số 05/2025/NĐ-CP; - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT; - Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT.	

TT	Mã/Tên TTHC	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí
6	1.010730 Cấp lại giấy phép môi trường	- 01 bản chính văn bản đề nghị cấp lại giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở (<i>mẫu quy định tại Phụ lục XIII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 56 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP</i>). - 01 bản chính Báo cáo đề xuất cấp lại giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở: + Trường hợp dự án đầu tư nhóm II không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường và dự án đầu tư nhóm III: <i>Mẫu quy định tại Phụ lục IX ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 56 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP</i>; + Trường hợp cơ sở đang hoạt động: <i>Mẫu quy định tại Phụ lục X ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 56 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP</i>.	1. Trình tự thực hiện: Bước 1. Tiếp nhận hồ sơ - Chủ dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải nộp hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường thông qua Hệ thống dịch vụ công trực tuyến toàn trình của tỉnh Đắk Nông (https://dichvucong.daknong.gov.vn), trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến TTPVHCC. - Ngoài trường hợp trên, Chủ dự án lập và nộp hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến TTPVHCC. Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc, kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ TTPVHCC chuyển hồ sơ đến Sở Nông nghiệp và Môi trường thông qua Phòng Bảo vệ môi trường để giải quyết theo quy định. Bước 2. Kiểm tra hồ sơ Phòng Bảo vệ môi trường xem xét, kiểm tra hồ sơ; trường hợp hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ, Phòng Bảo vệ môi trường tham mưu Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường có văn bản thông báo cho chủ dự án. Bước 3. Thẩm định hồ sơ, kiểm tra Sở Nông nghiệp và Môi trường thành lập hội đồng thẩm định hoặc đoàn kiểm tra theo một trong các trường hợp sau: + Đối với trường hợp dự án đầu tư đã có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường và không có thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc có thay đổi nhưng không thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 4 Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và chưa đến mức phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường: thành lập hội đồng thẩm định, không tổ chức kiểm tra thực tế.	Thu theo quy định của Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông

TT	Mã/Tên TTHC	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí
			+ Đối với trường hợp dự án đầu tư không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường: thành lập hội đồng thẩm định. Trong trường hợp cần thiết, hội đồng thẩm định tổ chức khảo sát thực tế tại khu vực dự kiến triển khai dự án đầu tư. Tùy theo quy mô, tính chất, mức độ của dự án việc tổ chức khảo sát thực tế do chủ tịch hội đồng thẩm định quyết định cử đại diện thành phần hội đồng thực hiện. + Đối với trường hợp cơ sở, dự án đầu tư đã có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường nhưng có thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và chưa đến mức phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường: thành lập đoàn kiểm tra. Hội đồng thẩm định thẩm định hồ sơ và khảo sát (nếu có), đoàn kiểm tra nghiên cứu hồ sơ và kiểm tra thực tế đối với cơ sở. Trường hợp hồ sơ phải chỉnh sửa, bổ sung để bảo đảm đủ căn cứ cho việc cấp phép, Phòng Bảo vệ môi trường tham mưu Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường có văn bản thông báo cho chủ dự án đầu tư, cơ sở và nêu rõ các nội dung phải chỉnh sửa, bổ sung. Không yêu cầu chủ dự án, cơ sở thực hiện các công việc khác ngoài các nội dung trong văn bản thông báo yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ. Căn cứ kết quả thẩm định của hội đồng thẩm định hoặc kết quả của đoàn kiểm tra, Sở Nông nghiệp và Môi trường trình UBND tỉnh hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường do chủ dự án gửi đến. Bước 4. Cấp phép UBND tỉnh xem xét, cấp lại giấy phép môi trường hoặc có văn bản thông báo không phê duyệt kết quả cấp lại giấy phép môi trường (trong đó nêu rõ lý do kèm các nội dung yêu cầu bổ sung, làm rõ) trong trường hợp hồ sơ chưa được chỉnh sửa, bổ sung đầy đủ theo ý kiến kết luận của hội đồng thẩm định/đoàn kiểm tra.	

TT	Mã/Tên TTHC	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí
			Bước 5. Trả kết quả - UBND tỉnh chuyển giấy phép môi trường cấp lại và hồ sơ kèm theo (nếu có) đến Hệ thống dịch vụ công trực tuyến/TTPVHCC để trả kết quả trực tuyến, trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính cho chủ dự án; gửi giấy phép đến Sở Nông nghiệp và Môi trường. 2. Thời gian giải quyết - Thời hạn kiểm tra, trả lời về tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ: không quy định. - Thời hạn kiểm tra, cấp lại giấy phép môi trường: * Đối với các trường hợp thực hiện thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến toàn trình: tối đa 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Thời hạn thẩm định hồ sơ: tối đa 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. + TTPVHCC: 0,5 ngày; + Sở Nông nghiệp và Môi trường: 14,5 ngày; Thời hạn thẩm định hồ sơ, trả kết quả sau khi nhận được hồ sơ chỉnh sửa, bổ sung theo yêu cầu của kết quả thẩm định: tối đa là 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. + Sở Nông nghiệp và Môi trường: 02 ngày; + UBND tỉnh: 03 ngày. * Đối với các trường hợp theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 43 Luật Bảo vệ môi trường: Tối đa là 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ - Thời hạn thẩm định hồ sơ: tối đa 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. + TTPVHCC: 0,5 ngày;	

TT	Mã/Tên TTHC	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí
			+ Sở Nông nghiệp và Môi trường: 14,5 ngày; - Thời hạn thẩm định hồ sơ, trả kết quả sau khi nhận được hồ sơ chỉnh sửa, bổ sung theo yêu cầu của kết quả thẩm định: tối đa là 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. + Sở Nông nghiệp và Môi trường: 10 ngày; + UBND tỉnh: 05 ngày. Thời gian phân tích mẫu chất thải và hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan cấp phép. 3. Yêu cầu, điều kiện thực hiện: - Giấy phép môi trường hết hạn; - Dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp có thay đổi tăng quy mô, công suất sản xuất, thay đổi công nghệ sản xuất như đối với trường hợp quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP dẫn đến làm gia tăng tác động xấu đến môi trường quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP, trừ trường hợp quy định tại điểm d khoản 2 Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP hoặc thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường; - Khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp đang hoạt động có bổ sung ngành, nghề thu hút đầu tư thuộc danh mục loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường được quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 56 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP;	

TT	Mã/Tên TTHC	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí
			- Dự án đầu tư, cơ sở có một trong các thay đổi khác làm gia tăng tác động xấu đến môi trường quy định tại điểm b khoản 3 Điều 44 Luật Bảo vệ môi trường, bao gồm: Tăng từ 10% lưu lượng nước thải, bụi, khí thải làm gia tăng tải lượng các thông số ô nhiễm về chất thải ra môi trường; thay đổi vị trí xả trực tiếp nước thải sau xử lý vào nguồn nước có yêu cầu cao hơn về quy chuẩn xả thải; bổ sung phương pháp tự tái chế, xử lý, đồng xử lý chất thải bằng công nghệ, công trình bảo vệ môi trường, thiết bị sản xuất sẵn có; bổ sung hoạt động đồng xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt để thực hiện dịch vụ xử lý chất thải; thay thế hoặc bổ sung công trình, hệ thống, thiết bị tái chế, xử lý chất thải; bổ sung loại chất thải nguy hại (trừ trường hợp bổ sung loại chất thải nguy hại có tính chất tương tự với chất thải nguy hại đã được cấp phép) đối với cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại; bổ sung loại, tăng khối lượng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất; bổ sung loại phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất; bổ sung trạm trung chuyển chất thải nguy hại; thay đổi công nghệ của hệ thống, công trình xử lý nước thải, bụi, khí thải, trừ trường hợp bổ sung thêm thiết bị hoặc công đoạn xử lý; giảm quy mô hoặc không xây lắp công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường của hệ thống xử lý nước thải. Đối tượng thực hiện: Công dân Việt Nam, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, Người nước ngoài, Cán bộ, công chức, viên chức, Doanh nghiệp, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Hợp tác xã Cơ quan thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường Cơ quan có thẩm quyền: UBND tỉnh Kết quả thực hiện: Giấy phép môi trường (Mẫu số 40 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 2	

TT	Mã/Tên TTHC	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí
			Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT);, Văn bản thông báo trả hồ sơ gửi chủ dự án đầu tư, cơ sở trong trường hợp không đủ điều kiện cấp lại giấy phép môi trường. Căn cứ pháp lý: - Luật BVMT 2020; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; - Nghị định số 05/2025/NĐ-CP; - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT; - Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT.	
II THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN				
1	1.010723 Cấp giấy phép môi trường	- 01 bản chính văn bản đề nghị cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở (<i>mẫu quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Phụ lục XIII Phần Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 05/2025/NĐ-CP</i>); - 01 bản chính Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở; + Trường hợp dự án đầu tư đã có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường trước khi đi vào vận hành thử nghiệm: <i>mẫu quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Phụ lục VIII Phần Phụ lục</i>	1. Trình tự thực hiện: Bước 1. Tiếp nhận hồ sơ - Chủ dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường thông qua Hệ thống dịch vụ công trực tuyến toàn trình của tỉnh Đắk Nông (https://dichvucong.daknong.gov.vn), trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện (BP TN&TKQ). - Ngoài các trường hợp trên, Chủ dự án nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến BP TN&TKQ. Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc, kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ BP TN&TKQ chuyển hồ sơ đến Phòng Nông nghiệp và Môi trường để giải quyết theo quy định. Bước 2. Kiểm tra hồ sơ Phòng Nông nghiệp và Môi trường xem xét, kiểm tra hồ sơ; trường hợp hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ có văn bản thông báo cho chủ dự án.	Thu theo quy định của Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông

TT	Mã/Tên TTHC	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí
		<i>ban hành kèm theo Nghị định số 05/2025/NĐ-CP;</i> + Trường hợp dự án đầu tư nhóm II không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường và dự án đầu tư nhóm III: <i>mẫu quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Phụ lục IX Phần Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 05/2025/NĐ-CP;</i> + Trường hợp cơ sở đang hoạt động: <i>mẫu quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Phụ lục X Phần Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 05/2025/NĐ-CP;</i> - Đối với dự án đầu tư, dự án đầu tư mở rộng của cơ sở đang hoạt động không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường: 01 bản sao Báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc tài liệu tương đương với báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án đầu tư, dự án đầu tư mở rộng theo quy định của pháp luật về đầu tư, đầu tư công, đầu tư theo phương thức đối tác công tư, xây dựng	Bước 3. Thẩm định hồ sơ, kiểm tra - Phòng Nông nghiệp và Môi trường tham mưu UBND cấp huyện hội đồng thẩm định hoặc đoàn kiểm tra theo một trong các trường hợp sau: + <i>Đối với dự án đầu tư đã có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường và không có thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc có thay đổi nhưng không thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 4 Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và chưa đến mức phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường:</i> thành lập hội đồng thẩm định cấp giấy phép môi trường, không tổ chức kiểm tra thực tế. + <i>Đối với dự án đầu tư không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường:</i> thành lập hội đồng thẩm định. Trong trường hợp cần thiết, hội đồng thẩm định tổ chức khảo sát thực tế tại khu vực dự kiến triển khai dự án đầu tư. Tùy theo quy mô, tính chất, mức độ của dự án việc tổ chức khảo sát thực tế do chủ tịch hội đồng thẩm định quyết định cử đại diện thành phần hội đồng thực hiện; + <i>Đối với cơ sở, dự án đầu tư đã có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường nhưng có thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và chưa đến mức phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường:</i> thành lập đoàn kiểm tra. - Hội đồng thẩm định, đoàn kiểm tra nghiên cứu hồ sơ và khảo sát hoặc kiểm tra thực tế (nếu có) đối với dự án đầu tư, cơ sở, viết bản nhận xét, đánh giá về các nội dung quy định tại Điều 40 Luật Bảo vệ môi trường và chịu trách nhiệm trước pháp luật về ý kiến nhận xét, đánh giá của mình. Trường hợp hồ sơ phải chỉnh sửa, bổ sung để bảo đảm đủ căn cứ cho việc cấp phép, Phòng Nông nghiệp và Môi trường có văn bản thông báo cho chủ dự án và nêu rõ các nội dung phải chỉnh sửa, bổ sung.	

TT	Mã/Tên TTHC	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí
			Không yêu cầu chủ dự án, cơ sở thực hiện các công việc khác ngoài các nội dung trong văn bản thông báo yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ này. - Căn cứ kết quả thẩm định của hội đồng thẩm định hoặc kết quả kiểm tra của đoàn kiểm tra, Phòng Nông nghiệp và Môi trường tham mưu UBND cấp huyện cấp giấy phép môi trường cho chủ dự án đầu tư, cơ sở. Bước 4. Cấp phép UBND cấp huyện ban hành giấy phép môi trường hoặc có văn bản thông báo không phê duyệt kết quả cấp giấy phép môi trường (trong đó nêu rõ lý do kèm các nội dung yêu cầu bổ sung, làm rõ) trong trường hợp hồ sơ chưa được chỉnh sửa, bổ sung đầy đủ theo ý kiến kết luận của hội đồng thẩm định/đoàn kiểm tra. Bước 5. Trả kết quả UBND cấp huyện chuyển giấy phép môi trường và hồ sơ kèm theo (nếu có) đến Hệ thống Dịch vụ công trực tuyến/ BP TN&TKQ để trả kết quả trực tuyến, trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính cho chủ dự án. 2. Thời gian giải quyết: <i>* Đối với các trường hợp thực hiện thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến mức độ 4:</i> tối đa 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (trong đó thời hạn thẩm định hồ sơ, trả kết quả sau khi nhận được hồ sơ chỉnh sửa, bổ sung theo yêu cầu của cơ quan cấp giấy phép môi trường tối đa là 05 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ). <i>* Đối với các trường hợp còn lại:</i> Tối đa là 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ (trong đó thời hạn thẩm định hồ sơ, trả kết quả sau khi nhận được hồ sơ chỉnh sửa, bổ sung theo yêu cầu của cơ quan cấp giấy phép môi trường tối đa là 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ). Thời gian tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính.	

TT	Mã/Tên TTHC	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí
			3. Yêu cầu, điều kiện thực hiện: - Dự án đầu tư nhóm I, nhóm II và nhóm III có phát sinh nước thải, bụi, khí thải xả ra môi trường phải được xử lý hoặc phát sinh chất thải nguy hại phải được quản lý theo quy định về quản lý chất thải khi đi vào vận hành chính thức. - Các dự án đầu tư, cơ sở đang hoạt động trước ngày Luật Bảo vệ môi trường 2020 có hiệu lực thi hành có tiêu chí về môi trường như đối tượng nêu trên. Đối tượng thực hiện: Công dân Việt Nam, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, Người nước ngoài, Cán bộ, công chức, viên chức, Doanh nghiệp, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Hợp tác xã Cơ quan thực hiện: Phòng Nông nghiệp và Môi trường Cơ quan có thẩm quyền: UBND cấp huyện Kết quả thực hiện: - Giấy phép môi trường (mẫu số 40 Phụ lục II phần phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT);, Văn bản thông báo trả hồ sơ cho chủ dự án, cơ sở và nêu rõ lý do trong trường hợp không đủ điều kiện cấp giấy phép môi trường. Căn cứ pháp lý: - Luật BVMT 2020; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; - Nghị định số 05/2025/NĐ-CP; - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT; - Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT.	

TT	Mã/Tên TTHC	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí
2	1.010724 Cấp đổi giấy phép môi trường	- 01 bản chính văn bản đề nghị cấp đổi giấy phép môi trường của chủ dự án đầu tư, cơ sở (theo mẫu quy định tại Phụ lục XIV ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP); - 01 bản sao hồ sơ pháp lý có liên quan đến việc thay đổi trong trường hợp có thay đổi tên dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp hoặc chủ dự án đầu tư, cơ sở.	1. Trình tự thực hiện: Bước 1. Tiếp nhận hồ sơ - Chủ dự án nộp hồ sơ đề nghị cấp đổi giấy phép môi trường thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến toàn trình của tỉnh Đắk Nông (https://dichvucong.daknong.gov.vn). Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc, kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ BP TN&TKQ chuyển hồ sơ đến Phòng Nông nghiệp và Môi trường để giải quyết theo quy định. Bước 2. Kiểm tra hồ sơ Phòng Nông nghiệp và Môi trường xem xét, kiểm tra hồ sơ; trường hợp hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ thì có văn bản thông báo cho chủ dự án. Bước 3. Thẩm định hồ sơ - Phòng Nông nghiệp và Môi trường nghiên cứu văn bản đề nghị cấp đổi kèm theo hồ sơ pháp lý có liên quan đến việc thay đổi của chủ dự án đầu tư, cơ sở. Tham mưu UBND cấp huyện cấp đổi giấy phép môi trường cho chủ dự án đầu tư, cơ sở với thời hạn còn lại của giấy phép. - Trường hợp hồ sơ phải chỉnh sửa, bổ sung để bảo đảm đủ căn cứ cho việc cấp phép, Phòng Nông nghiệp và Môi trường có văn bản thông báo cho chủ dự án và nêu rõ các nội dung phải chỉnh sửa, bổ sung. Không yêu cầu chủ dự án, cơ sở thực hiện các công việc khác ngoài các nội dung trong văn bản thông báo yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ. Sau khi nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Phòng Nông nghiệp và Môi trường tham mưu UBND cấp huyện cấp đổi giấy phép môi trường cho chủ dự án đầu tư, cơ sở với thời hạn còn lại của giấy phép. Bước 4. Cấp phép UBND cấp huyện ban hành cấp đổi giấy phép môi trường cho chủ dự án đầu tư, cơ sở với thời hạn còn lại của giấy phép.	Không quy định

TT	Mã/Tên TTHC	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí
			Bước 5. Trả kết quả UBND cấp huyện chuyển giấy phép môi trường cấp đổi và hồ sơ kèm theo (nếu có) đến Hệ thống Dịch vụ công trực tuyến tỉnh Đắk Nông/ BP TN&TKQ để trả kết quả cho chủ dự án. 2. Thời gian giải quyết: - Thời hạn kiểm tra, trả lời về tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ: không quy định. - Thời hạn cấp đổi giấy phép môi trường: Tối đa 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. Thời gian tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan cấp phép 3. Yêu cầu, điều kiện thực hiện: Thay đổi tên dự án đầu tư, cơ sở hoặc chủ dự án đầu tư, cơ sở khác với giấy phép môi trường đã được cấp. Đối tượng thực hiện: Công dân Việt Nam, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, Người nước ngoài, Cán bộ, công chức, viên chức, Doanh nghiệp, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Hợp tác xã Cơ quan thực hiện: Phòng Nông nghiệp và Môi trường Cơ quan có thẩm quyền: Ủy ban nhân dân huyện Kết quả thực hiện: Giấy phép môi trường cấp đổi (mẫu số 40 Phụ lục II phần phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT) Căn cứ pháp lý: - Luật BVMT 2020; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; - Nghị định số 05/2025/NĐ-CP;	

TT	Mã/Tên TTHC	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí
			- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT; - Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT.	
3	1.010725 Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường	- 01 bản chính văn bản đề nghị cấp lại giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở (mẫu quy định tại Phụ lục XIII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 56 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP). - 01 bản chính Báo cáo đề xuất cấp điều chỉnh giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở (Mẫu quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 56 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP).	1. Trình tự thực hiện: Bước 1. Tiếp nhận hồ sơ - Chủ dự án nộp hồ sơ đề nghị cấp điều chỉnh giấy phép môi trường thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến toàn trình của tỉnh Đắk Nông (https://dichvucong.daknong.gov.vn). Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc, kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ BP TN&TKQ chuyển hồ sơ đến Phòng Nông nghiệp và Môi trường để giải quyết theo quy định. Bước 2. Kiểm tra hồ sơ Phòng Nông nghiệp và Môi trường xem xét, kiểm tra hồ sơ; trường hợp hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ thì có văn bản thông báo cho chủ dự án. Bước 3. Thẩm định hồ sơ - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Phòng Nông nghiệp và Môi trường tham mưu UBND cấp huyện cấp giấy phép môi trường điều chỉnh cho chủ dự án đầu tư, cơ sở; - Trường hợp hồ sơ phải chỉnh sửa, bổ sung để bảo đảm đủ căn cứ cho việc cấp phép, Phòng Nông nghiệp và Môi trường có văn bản thông báo cho chủ dự án và nêu rõ các nội dung phải chỉnh sửa, bổ sung. Không yêu cầu chủ dự án, cơ sở thực hiện các công việc khác ngoài các nội dung trong văn bản thông báo yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ này. Sau khi nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Phòng Nông nghiệp và Môi trường tham mưu UBND cấp huyện cấp giấy phép môi trường điều chỉnh cho chủ dự án đầu tư, cơ sở. Bước 4. Cấp phép	Thu theo quy định của Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông

TT	Mã/Tên TTHC	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí
			UBND cấp huyện cấp điều chỉnh giấy phép môi trường hoặc có văn bản thông báo không phê duyệt kết quả cấp điều chỉnh giấy phép môi trường (trong đó nêu rõ lý do kèm các nội dung yêu cầu bổ sung, làm rõ) trong trường hợp hồ sơ chưa được chỉnh sửa, bổ sung đầy đủ theo kết luận của Cơ quan cấp phép. Bước 5. Trả kết quả UBND cấp huyện chuyển giấy phép môi trường cấp điều chỉnh và hồ sơ kèm theo (nếu có) đến Hệ thống Dịch vụ công trực tuyến tỉnh Đắk Nông/ BP TN&TKQ để trả kết quả cho chủ dự án. 2. Thời gian giải quyết: - Thời hạn kiểm tra, trả lời về tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ: không quy định. - Thời hạn kiểm tra, cấp điều chỉnh giấy phép môi trường: tối đa 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. Thời gian tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan cấp phép. 3. Yêu cầu, điều kiện thực hiện: - Dự án đầu tư, cơ sở có thay đổi nội dung cấp phép nhưng không thuộc trường hợp quy định tại khoản 4 và khoản 5 Điều 30 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP, (trừ trường hợp thay đổi giảm nội dung cấp phép môi trường hoặc thay đổi khối lượng, loại chất thải nguy hại phát sinh; trường hợp thay đổi giảm nội dung cấp phép môi trường, việc điều chỉnh giấy phép môi trường được thực hiện khi có đề nghị của chủ dự án đầu tư, cơ sở). - Dự án đầu tư, cơ sở, cụm công nghiệp có thay đổi tăng quy mô, công suất sản xuất, thay đổi công nghệ sản xuất như đối với trường hợp quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP dẫn	

TT	Mã/Tên TTHC	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí
			đến thay đổi nội dung cấp phép, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 5 Điều 30 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP; - Cụm công nghiệp đang hoạt động có bổ sung ngành, nghề thu hút đầu tư không thuộc danh mục loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 56 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP; - Thay đổi khác như đối với trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 30 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP; - Dự án, cơ sở sau chia tách thực hiện thủ tục cấp điều chỉnh theo quy định trước khi giấy phép môi trường, giấy phép môi trường thành phần đã cấp hết hiệu lực theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 29 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 11 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP. Đối tượng thực hiện: Công dân Việt Nam, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, Người nước ngoài, Cán bộ, công chức, viên chức, Doanh nghiệp, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Hợp tác xã Cơ quan thực hiện: Phòng Nông nghiệp và Môi trường Cơ quan có thẩm quyền: UBND cấp huyện Kết quả thực hiện: Giấy phép môi trường điều chỉnh (mẫu số 41 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 2 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT, Văn	

TT	Mã/Tên TTHC	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí
			bản thông báo trả hồ sơ gửi chủ dự án đầu tư, cơ sở trong trường hợp không đủ điều kiện cấp điều chỉnh giấy phép môi trường.. Căn cứ pháp lý: - Luật BVMT 2020; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; - Nghị định số 05/2025/NĐ-CP; - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT; - Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT.	
4	1.010726 Cấp lại giấy phép môi trường	- 01 bản chính văn bản đề nghị cấp lại giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở (mẫu quy định tại Phụ lục XIII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 56 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP). - 01 bản chính Báo cáo đề xuất cấp lại giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở: + Trường hợp dự án đầu tư nhóm III: Mẫu quy định tại Phụ lục IX ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 56 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP; + Trường hợp cơ sở đang hoạt động: Mẫu quy định tại Phụ lục X ban hành kèm theo Nghị định số	1. Trình tự thực hiện: Bước 1. Tiếp nhận hồ sơ - Chủ dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải nộp hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường thông qua Hệ thống dịch vụ công trực tuyến toàn trình của tỉnh Đắk Nông (https://dichvucong.daknong.gov.vn), trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến BP TN&TKQ. - Ngoài trường hợp trên, Chủ dự án nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến B BP TN&TKQ. Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc, kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ BP TN&TKQ chuyển hồ sơ đến Phòng Nông nghiệp và Môi trường để giải quyết theo quy định. Bước 2. Kiểm tra hồ sơ Phòng Nông nghiệp và Môi trường xem xét, kiểm tra hồ sơ; trường hợp hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ có văn bản thông báo cho chủ dự án. Bước 3. Thẩm định hồ sơ, kiểm tra - Phòng Nông nghiệp và Môi trường tham mưu UBND cấp huyện hội đồng thẩm định hoặc đoàn kiểm tra theo một trong các trường hợp sau:	Thu theo quy định của Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông

TT	Mã/Tên TTHC	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí
		08/2022/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 56 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP.	+ Đối với trường hợp dự án đầu tư không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường: thành lập hội đồng thẩm định. Trong trường hợp cần thiết, hội đồng thẩm định tổ chức khảo sát thực tế tại khu vực dự kiến triển khai dự án đầu tư. Tùy theo quy mô, tính chất, mức độ của dự án việc tổ chức khảo sát thực tế do chủ tịch hội đồng thẩm định quyết định cử đại diện thành phần hội đồng thực hiện. + Đối với cơ sở đang hoạt động: thành lập đoàn kiểm tra. - Hội đồng thẩm định thẩm định hồ sơ và khảo sát (nếu có), đoàn kiểm tra nghiên cứu hồ sơ và kiểm tra thực tế đối với cơ sở. Trường hợp hồ sơ phải chỉnh sửa, bổ sung để bảo đảm đủ căn cứ cho việc cấp phép, Phòng Nông nghiệp và Môi trường có văn bản thông báo cho chủ dự án và nêu rõ các nội dung phải chỉnh sửa, bổ sung. Không yêu cầu chủ dự án, cơ sở thực hiện các công việc khác ngoài các nội dung trong văn bản thông báo yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ này. - Căn cứ kết quả thẩm định của hội đồng thẩm định hoặc kết quả kiểm tra của đoàn kiểm tra, Phòng Nông nghiệp và Môi trường tham mưu UBND cấp huyện cấp lại giấy phép môi trường cho chủ dự án đầu tư, cơ sở. Bước 4. Cấp phép UBND cấp huyện cấp lại giấy phép môi trường hoặc có văn bản thông báo không phê duyệt kết quả cấp lại giấy phép môi trường (trong đó nêu rõ lý do kèm các nội dung yêu cầu bổ sung, làm rõ) trong trường hợp hồ sơ chưa được chỉnh sửa, bổ sung đầy đủ theo ý kiến kết luận của hội đồng thẩm định/đoàn kiểm tra. Bước 5. Trả kết quả UBND cấp huyện chuyển giấy phép môi trường cấp lại và hồ sơ kèm theo (nếu có) đến Hệ thống Dịch vụ công trực tuyến/ BP TN&TKQ để trả kết quả trực tuyến, trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính cho chủ dự án	

TT	Mã/Tên TTHC	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí
			2. Thời gian giải quyết: - Thời hạn kiểm tra, trả lời về tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ: không quy định. - Thời hạn kiểm tra, cấp lại giấy phép môi trường: + Đối với các trường hợp thực hiện thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến toàn trình: tối đa 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. + Đối với các trường hợp theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 43 Luật Bảo vệ môi trường: Tối đa là 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ. Thời gian phân tích mẫu chất thải và hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan cấp phép. 3. Yêu cầu, điều kiện thực hiện: - Giấy phép môi trường hết hạn; - Dự án đầu tư, cơ sở, cụm công nghiệp có thay đổi tăng quy mô, công suất sản xuất, thay đổi công nghệ sản xuất như đối với trường hợp quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP dẫn đến làm gia tăng tác động xấu đến môi trường quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP, trừ trường hợp quy định tại điểm d khoản 2 Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP hoặc thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường; - Cụm công nghiệp đang hoạt động có bổ sung ngành, nghề thu hút đầu tư thuộc danh mục loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường được quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 56 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP;	

TT	Mã/Tên TTHC	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí
			- Dự án đầu tư, cơ sở có một trong các thay đổi khác làm gia tăng tác động xấu đến môi trường quy định tại điểm b khoản 3 Điều 44 Luật Bảo vệ môi trường, bao gồm: Tăng từ 10% lưu lượng nước thải, bụi, khí thải làm gia tăng thải lượng các thông số ô nhiễm về chất thải ra môi trường; thay đổi vị trí xả trực tiếp nước thải sau xử lý vào nguồn nước có yêu cầu cao hơn về quy chuẩn xả thải; bổ sung phương pháp tự tái chế, xử lý, đồng xử lý chất thải bằng công nghệ, công trình bảo vệ môi trường, thiết bị sản xuất sẵn có; thay thế hoặc bổ sung công trình, hệ thống, thiết bị tái chế, xử lý chất thải; thay đổi công nghệ của hệ thống, công trình xử lý nước thải, bụi, khí thải, trừ trường hợp bổ sung thêm thiết bị hoặc công đoạn xử lý; giảm quy mô hoặc không xây lắp công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường của hệ thống xử lý nước thải. Đối tượng thực hiện: Công dân Việt Nam, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, Người nước ngoài, Cán bộ, công chức, viên chức, Doanh nghiệp, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Hợp tác xã Cơ quan thực hiện: Phòng Nông nghiệp và Môi trường Cơ quan có thẩm quyền: UBND cấp huyện kết quả thực hiện: - Giấy phép môi trường (Mẫu số 40 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 2 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT); - Văn bản thông báo trả hồ sơ gửi chủ dự án đầu tư, cơ sở trong trường hợp không đủ điều kiện cấp lại giấy phép môi trường. Căn cứ pháp lý: - Luật BVMT 2020; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP;	

TT	Mã/Tên TTHC	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí
			- Nghị định số 05/2025/NĐ-CP; - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT; - Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT.	
III THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ				
1	1.010736 Tham vấn trong đánh giá tác động môi trường	- 01 bản chính văn bản lấy ý kiến tham vấn (mẫu quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP). - 01 bản chính nội dung tham vấn trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường (Phụ lục VIa ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP); - Báo cáo đánh giá tác động môi trường.	1. Trình tự thực hiện: Bước 1. Tiếp nhận hồ sơ Tổ chức/cá nhân gửi hồ sơ thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến của UBND cấp xã (nếu có) hoặc nộp trực tiếp, hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp xã. Bước 2. Kiểm tra hồ sơ UBND cấp xã xem xét, kiểm tra hồ sơ; trường hợp hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ, có văn bản thông báo cho chủ dự án. Bước 3. Xử lý hồ sơ - Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện niêm yết báo cáo đánh giá tác động môi trường kể từ khi nhận được báo cáo đánh giá tác động môi trường cho đến khi kết thúc hoạt động tham vấn cộng đồng dân cư, cá nhân; - UBND cấp xã tổ chức họp tham vấn lấy ý kiến cộng đồng dân cư, cá nhân theo quy định trong thời hạn tối đa là 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị tham vấn. Bước 4. Phê duyệt Ủy ban nhân dân cấp xã phản hồi bằng văn bản trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản tham vấn. Trường hợp không có phản hồi trong thời hạn quy định được coi là thống nhất với nội dung tham vấn. Bước 5. Trả kết quả	Không quy định

TT	Mã/Tên TTHC	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí
			UBND xã gửi kết quả về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả để trả kết quả cho tổ chức, cá nhân qua Cổng dịch vụ công trực tuyến, trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính. 2. Thời gian giải quyết: - Thời hạn kiểm tra về tính đầy đủ của hồ sơ: không quy định. - Thời hạn xử lý, trả kết quả: + Tối đa 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ tham vấn theo quy định. + Trường hợp không có phản hồi trong thời hạn quy định được coi là thống nhất với nội dung tham vấn. Đối tượng thực hiện: Công dân Việt Nam, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, Người nước ngoài, Cán bộ, công chức, viên chức, Doanh nghiệp, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Hợp tác xã Cơ quan thực hiện: UBND cấp xã Kết quả thực hiện: Biên bản họp tham vấn cộng đồng dân cư, cá nhân chịu tác động trực tiếp (mẫu số 04a, Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2022/TT-BTNMT, Văn bản của UBND cấp xã trả lời ý kiến tham vấn về quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường (nếu có). Căn cứ pháp lý: - Luật BVMT 2020; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; - Nghị định số 05/2025/NĐ-CP; - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT; - Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT	